



BÁO CÁO TUẦN

TUẦN 13.01.2025 – 17.01.2025:

Thị trường cổ phiếu Châu Á và Đông Nam Á tiếp tục chịu tác động tiêu cực trước rủi ro DXY tăng cao lên mức lịch sử. Riêng tại Việt Nam, **VNIndex** chịu áp lực lớn từ khối ngoại **bán ròng mạnh** hơn **1,000 tỷ đồng** trong tuần qua, tập trung vào các ngành trọng điểm như **Thép** (HPG), **Thực phẩm** (VNM, MSN), **Chứng khoán** (SSI), **Bất động sản** (NLG, VRE), và **Công nghệ thông tin**.

Trong bối cảnh **tâm lý dòng tiền suy yếu** và **thanh khoản thị trường thấp kỷ lục**, lực bán ròng kéo dài nhiều tuần từ khối ngoại trở thành nguyên nhân chính khiến **VNIndex giảm mạnh** về mốc **1,230 điểm**.

Triển vọng từ FIDT: Mặc dù **bối cảnh rủi ro toàn cầu** vẫn tác động xấu đến **tâm lý dòng tiền** và **thanh khoản thị trường**, **FIDT** đánh giá thị trường có thể **cải thiện dần** dựa trên các lý do sau: **(1)** VNIndex tiệm cận vùng quá bán. **(2)** Định giá thị trường thấp kỷ lục. **(3)** Kết quả kinh doanh quý 4 vượt kỳ vọng; **(4)** Nhịp tạo đáy của VNIndex có thể đồng pha với yếu tố rủi ro toàn cầu cải thiện.

KỊCH BẢN CƠ SỞ: 70%

- Vùng đáy trung hạn giả định: 1180 – 1200
- Vùng giao dịch cân bằng: 1220 – 1240
- Mục tiêu ngắn hạn: 1280 – 1300
- Tỷ trọng mục tiêu: 60% - 70%

KỊCH BẢN TIÊU CỰC: 30%

- Vùng đáy trung hạn giả định: 1160 – 1180
- Vùng giao dịch cân bằng: 1200 – 1220
- Mục tiêu ngắn hạn: 1240 - 1260
- Tỷ trọng mục tiêu: 30%

RMS – HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Thông báo kết quả từ Hệ thống quản trị Rủi ro (RMS) – 13/01/2025

- **Kết quả đánh giá từ Hệ thống quản trị rủi ro FIDT (RMS)** ở mức **KÉM KHẢ QUAN**, mức độ rủi ro **40.5% – TĂNG** so với tuần trước.
- Qua đó, FIDT dự báo xu hướng thị trường sẽ **GIẢM** trong tuần này.
- **Tỷ trọng khuyến nghị:** Mục tiêu 60% - 70%.
- **Kịch bản phù hợp cho việc gia tăng tỷ trọng Đầu tư tối ưu: 60% - 70% và Trading ngắn hạn: 0%.**
- **Nhà đầu tư tham khảo thêm Chiến lược trading cụ thể trong nội dung Báo cáo tuần.**



Tham khảo biến động RMS thường xuyên hơn tại: <https://portal.fidt.vn/nhan-dinh-thi-truong/>

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG: VNINDEX ĐIỀU CHỈNH SÂU, TIỆM CẬN HỖ TRỢ TRUNG HẠN

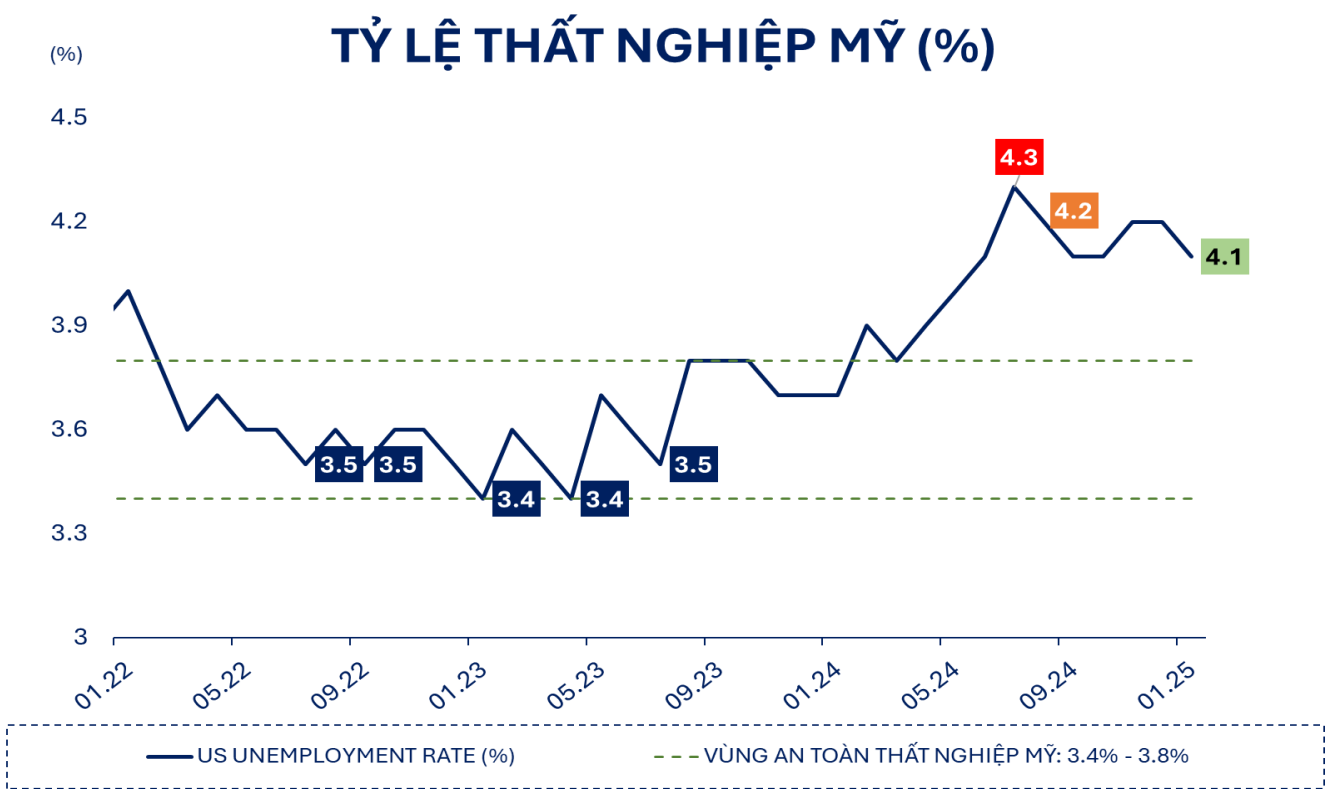
- DXY VÀ LÃI SUẤT USD TIẾP TỤC NEO VÙNG RỦI RO CAO NHẤT, TÀI CHÍNH TOÀN CẦU BIẾN ĐỘNG ĐÁNG KỂ
- TỶ GIÁ USD/VND TIẾP TỤC NEO TRẦN, TÍN DỤNG 2024 CHẠM MỤC TIÊU 15.1% YTD
- VNI ĐIỀU CHỈNH MẠNH NHẤT TRONG 2 THÁNG, TIỆM CẬN HỖ TRỢ TRUNG HẠN 1200 - 1220
- KỊCH BẢN CƠ SỞ: VNINDEX 1200 – 1220 (70%) – KỊCH BẢN TIÊU CỰC: VNINDEX 1160 – 1180 (30%)

VĨ MÔ TOÀN CẦU: DXY VÀ LÃI SUẤT USD TIẾP TỤC NEO VÙNG RỦI RO CAO NHẤT, TÀI CHÍNH TOÀN CẦU BIẾN ĐỘNG ĐÁNG KỂ

Trong tuần qua, *tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ đã cải thiện đáng kể, giảm xuống mức 4.1% - mức thấp nhất trong vòng 6 tháng*. Dữ liệu này cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn duy trì sức khỏe tốt và vượt xa kỳ vọng của thị trường. Tuy nhiên, điều này lại tác động tiêu cực đến *triển vọng chính sách lãi suất của FED*.

Kỳ vọng trước đó về việc FED cắt giảm lãi suất nhiều lần trong năm 2025 đã bị thu hẹp, hiện thị trường chỉ dự đoán FED có thể giảm lãi suất 1-2 lần (25 bps/lần), đưa mức lãi suất dự kiến về khoảng 3.8% - 4.0%.

HÌNH 1: TỶ LỆ THẤT NGHIỆP MỸ GIẢM MỨC THẤP NHẤT KỂ TỪ 06/2024 (4.1%)



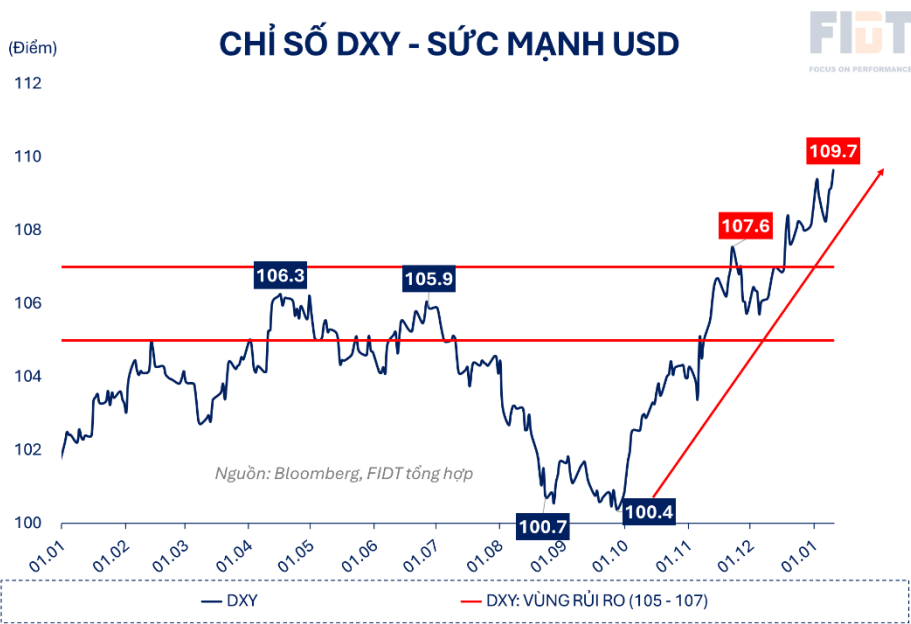
HÌNH 2: XÁC SUẤT CẮT GIẢM LÃI SUẤT FED 2025: 1 – 2 LẦN CẮT GIẢM (25BPS) ; LÃI SUẤT FED CUỐI NĂM 2025: 3.8% - 4.0%

FED MEETING DATE	3% - 3.25%	3.25% - 3.5%	3.5% - 3.75%	3.75% - 4%	4% - 4.25%	4.25% - 4.5%	
1/29/2025	-	-	-	-	6.4	93.6	HIỆN TẠI: 4.25% - 4.5%
3/19/2025	-	-	-	2.6	41.3	56.2	
5/7/2025	-	-	0.5	10.5	44.3	44.7	
6/18/2025	-	0.2	4.4	23.7	44.5	27.3	
7/30/2025	-	1.0	8.0	27.5	41.3	22.2	
9/17/2025	0.2	2.5	12.1	30.4	37.2	17.5	
10/29/2025	0.5	3.7	14.5	31.3	34.7	15.3	

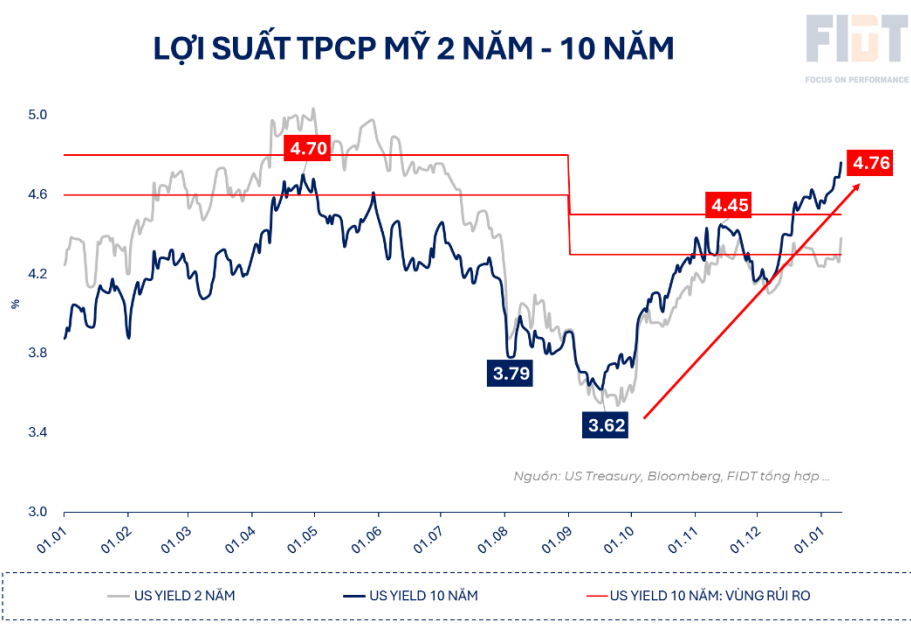
Sự thay đổi này đã làm gia tăng rủi ro trên thị trường tài chính toàn cầu, khiến “Kịch bản Rủi ro toàn cầu biến động cao” mà FIDT cảnh báo trong nhiều tuần qua trở nên hiện hữu. Hai yếu tố quan trọng đã góp phần định hình xu hướng này:

- **Lợi suất Trái phiếu Chính phủ (TPCP) Mỹ kỳ hạn 10 năm tiếp tục tăng mạnh, chạm mức 4.7% - 4.8%**, gây áp lực lớn lên các tài sản rủi ro như cổ phiếu và Crypto.
- **Chỉ số DXY (thước đo giá trị USD) leo lên vùng rủi ro cao nhất 109 - 110**, phản ánh sự dịch chuyển dòng vốn toàn cầu về các tài sản an toàn như USD.

HÌNH 3: DXY CHẠM VÙNG RỦI RO CAO NHẤT



HÌNH 4: LÃI SUẤT USD CHẠM VÙNG RỦI RO CAO NHẤT



Những biến động này đã làm dấy lên tâm lý thận trọng trên toàn cầu, đặc biệt khi ngày 25/1, Tổng thống Donald Trump dự kiến nhậm chức, làm tăng thêm các yếu tố bất định. Dòng vốn đầu tư tiếp tục được phòng ngừa khỏi rủi ro cao, với các tài sản rủi ro bị chiết khấu mạnh do lo ngại các chính sách mới của chính quyền Trump tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Bên cạnh đó, lợi suất TPCP Mỹ tăng mạnh cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá toàn cầu, đặc biệt là các quốc gia phụ thuộc vào vốn nước ngoài. Các Ngân hàng Trung ương (NHTW) ngoài FED phải đối mặt với áp lực lớn, buộc họ: **(1) Chủ động tăng lãi suất ngắn hạn nhằm giảm bớt dòng vốn USD rút ra ngoài; (2) Phòng ngừa tỷ giá bằng cách bán dự trữ USD để bảo vệ đồng nội tệ.**

HÌNH 5: THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

BẢNG TÓM TẮT BIẾN ĐỘNG TOÀN CẦU		ĐÓNG CỬA	1 DAY (%)	3 DAY (%)	1 WEEK (%)	1 MONTH (%)	3 MONTH (%)	YTD (%)
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ								
CHỈ SỐ DOW JONES	41,938			(1.4)	(1.9)	(4.5)	(2.2)	11.3
CHỈ SỐ S&P 500	5,827			(1.4)	(1.9)	(3.7)	0.2	22.2
CHỈ SỐ NASDAQ	20,848			(1.5)	(2.2)	(3.6)	2.8	23.9
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CHÂU ÂU								
CHỈ SỐ EURO STOXX 50	4,977		(0.8)	(0.7)	2.2	0.2	(0.5)	10.1
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CHÂU Á								
HANG SENG - 50 (HONG KONG)	19,064		(0.9)	(2.0)	(3.5)	(6.5)		11.8
NIKKEI - 225 (NHẬT BẢN)	39,209		(1.0)	(2.2)		(1.6)	(1.0)	17.2
KOSPI - 200 (HÀN QUỐC)	334.6		(0.3)	1.1	3.3	1.7	(3.2)	
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á								
VNINDEX (VIỆT NAM)	1,230		(1.2)	(1.3)	(1.9)	(2.9)	(4.5)	8.9
IDC COMPOSITE (INDONESIA)	7,089		0.3	0.1	(1.1)	(4.1)	(5.7)	(2.5)
XU HƯỚNG TỶ GIÁ CÁC ĐỒNG TIỀN QUAN TRỌNG								
DXY	109.7		0.4	1.0	0.6	2.5	6.6	8.2
USD/JPY	157.7		0.3	0.2	(0.3)	(3.3)	(5.7)	(11.8)
USD/VND	25,375		0.0	(0.0)	0.2	0.1	(2.3)	(4.6)
THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA VÀ TÀI SẢN KHÁC								
BITCOIN	95,210		3.4	(1.3)	(3.1)	(4.6)	51.1	127.0
VÀNG (XAU/USD)	2,690		0.8	1.5	1.9	0.3	1.2	30.4
DẦU BRENT	79.8		3.7	3.5	4.2	8.7	0.9	3.5
XU HƯỚNG LÃI SUẤT (LỢI SUẤT TPCP 10 NĂM, ĐƠN VỊ: BPS)								
LỢI SUẤT TPCP MỸ - 2 NĂM	4.4	11.7	9.0	10.2		19.0	42.6	13.1
LỢI SUẤT TPCP MỸ - 5 NĂM	4.6	12.2	11.3	16.6		39.5	67.6	73.1
LỢI SUẤT TPCP MỸ - 10 NĂM	4.8	7.3	7.7	16.4		43.4	66.2	88.3
LỢI SUẤT TPCP VN - 10 NĂM	3.0	4.5	5.1	5.4		19.5	37.4	79.6

Xu hướng vĩ mô hiện tại cho thấy rủi ro tài chính toàn cầu gia tăng, đặc biệt từ lợi suất TPCP, DXY, và chính sách của FED. Hệ quả là các lớp tài sản rủi ro tại các khu vực như Châu Á và Đông Nam Á chịu tác động tiêu cực. Thanh khoản suy giảm, áp lực bán ròng từ khối ngoại gia tăng, và đà giảm lan rộng trên thị trường chứng khoán khu vực. Nhà đầu tư cần chiến lược phòng ngừa rủi ro và theo dõi sát diễn biến vĩ mô quan trọng.

VĨ MÔ TRONG NƯỚC: TỶ GIÁ USD/VND TIẾP TỤC NEO TRẦN, TÍN DỤNG 2024 CHẠM MỤC TIÊU 15.1% YTD

Tỷ giá USD/VND duy trì ở vùng **trần 25,500**, buộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải bán ròng gần **3 tỷ USD** chỉ trong 1 tháng để bảo vệ mức trần. Tính từ đầu năm, NHNN đã bán ròng **9 tỷ USD**, gây suy yếu dự trữ ngoại hối và ảnh hưởng đến khả năng phòng ngừa rủi ro trong tương lai.

Đây chỉ là biện pháp tạm thời và khó bền vững khi đối mặt với:

- **Áp lực từ DXY tăng mạnh** và xu hướng dòng vốn đầu tư tiếp tục rút ròng.
- **Thanh khoản VND bị thắt chặt**, khiến lợi suất TPCP 10 năm tăng thêm **0.5%** từ mức đáy gần đây

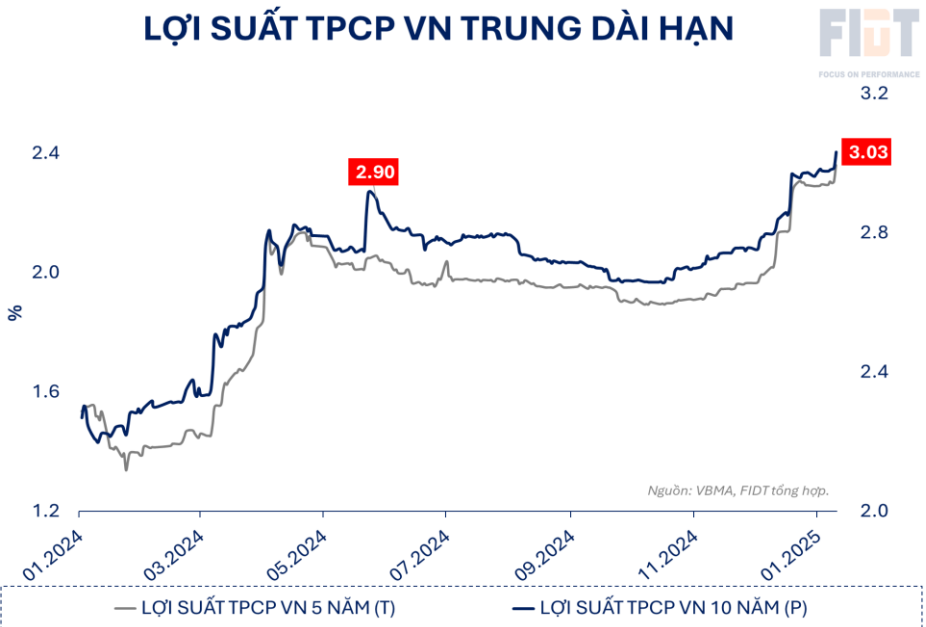
Hệ quả, NHNN tiếp tục đứng trước thách thức trong việc cân bằng giữa thanh khoản thị trường tài chính, ổn định tỷ giá và bảo toàn dự trữ ngoại hối.

Thanh khoản VND thắt chặt vì DXY gia tăng đột biến sẽ tiếp tục là yếu tố chính gây áp lực lên thị trường tài chính và chứng khoán trong nước trong ngắn hạn.

HÌNH 6: USD/VND TIẾP TỤC NEO ĐỈNH, ÁP LỰC NHNN

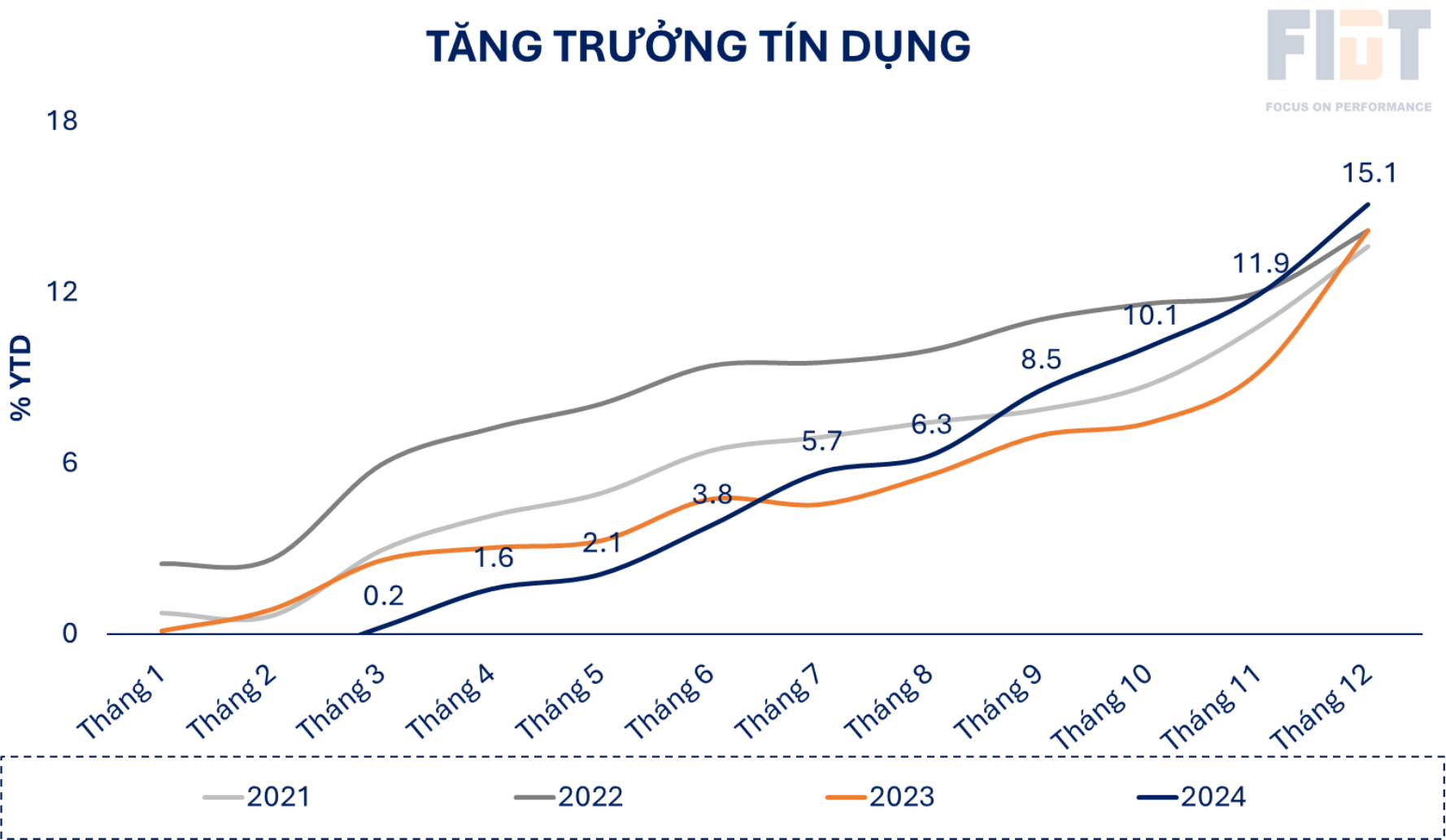


HÌNH 7: LÃI SUẤT VND NGẮN HẠN TĂNG ĐÁNG CHÚ Ý



Tuy nhiên, một tín hiệu tích cực là **tăng trưởng tín dụng cuối năm đã đạt 15.1% YTD**, cho thấy khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế phục hồi rõ rệt trong quý cuối năm. Nhiều ngân hàng lớn như **CTG, HDB, STB, MBB** ghi nhận kết quả tăng trưởng tín dụng ấn tượng và đưa ra dự báo khả quan cho năm 2024, phản ánh niềm tin vào sự cải thiện của nền kinh tế.

HÌNH 8: TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG TĂNG TỐC CUỐI NĂM, ĐẠT MỤC TIÊU 15.1% YTD



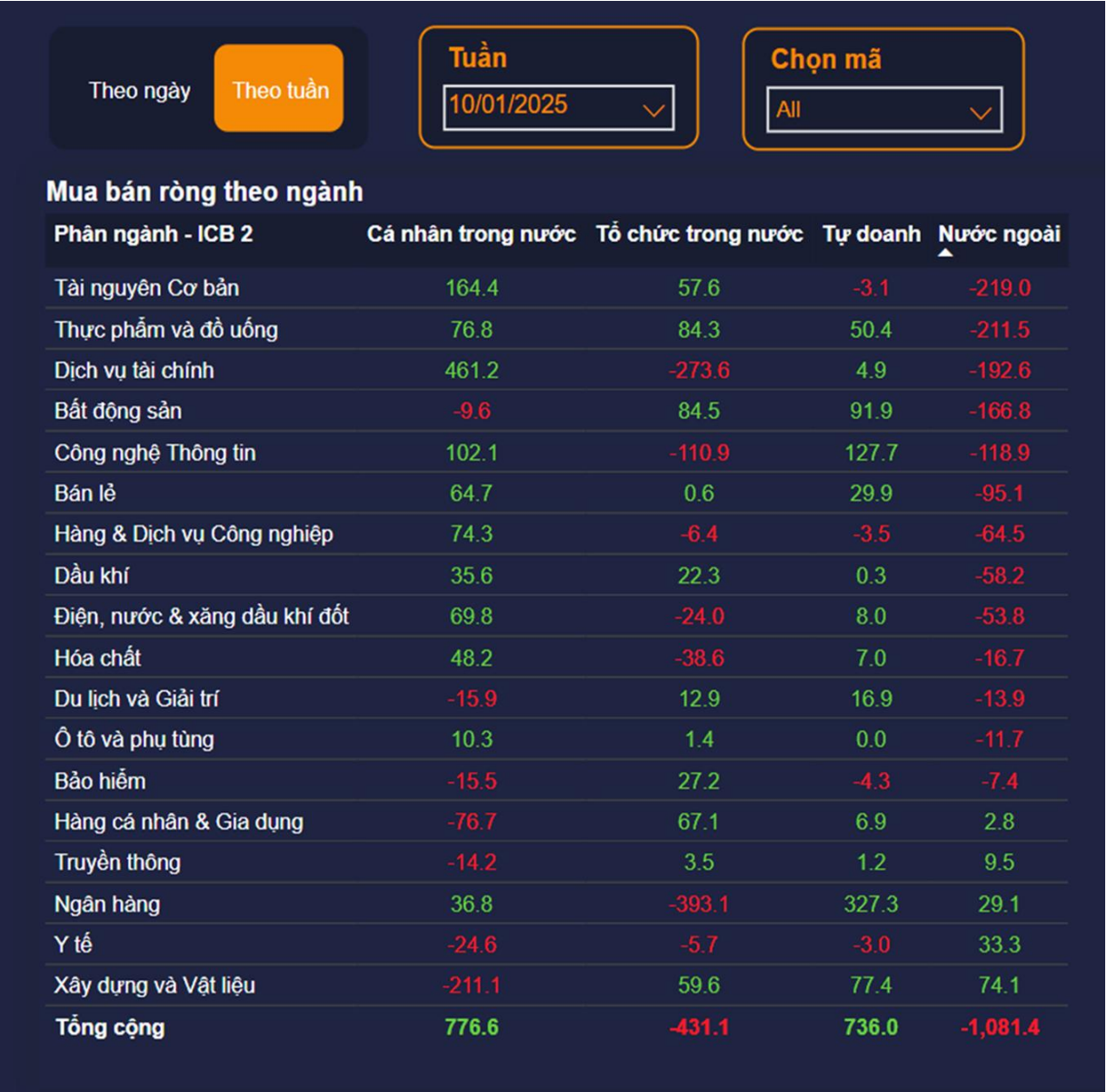
DIỄN BIẾN KHỐI NGOẠI: KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG NHIỀU NGÀNH, TỐC ĐỘ BÁN MẠNH NHẤT 3 TUẦN QUA

Tuần qua, áp lực rủi ro toàn cầu và tỷ giá trong nước gia tăng đã khiến khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh tay hơn **1,000 tỷ đồng**, đặc biệt ở những nhóm ngành vốn hóa lớn, như **Thép** (HPG), **Thực phẩm** (VNM, MSN), **Chứng khoán** (SSI), **Bất động sản** (NLG, VRE), và **Công nghệ thông tin** (FPT). Đây là tuần có mức bán ròng lớn nhất trong **3 tuần gần đây**.

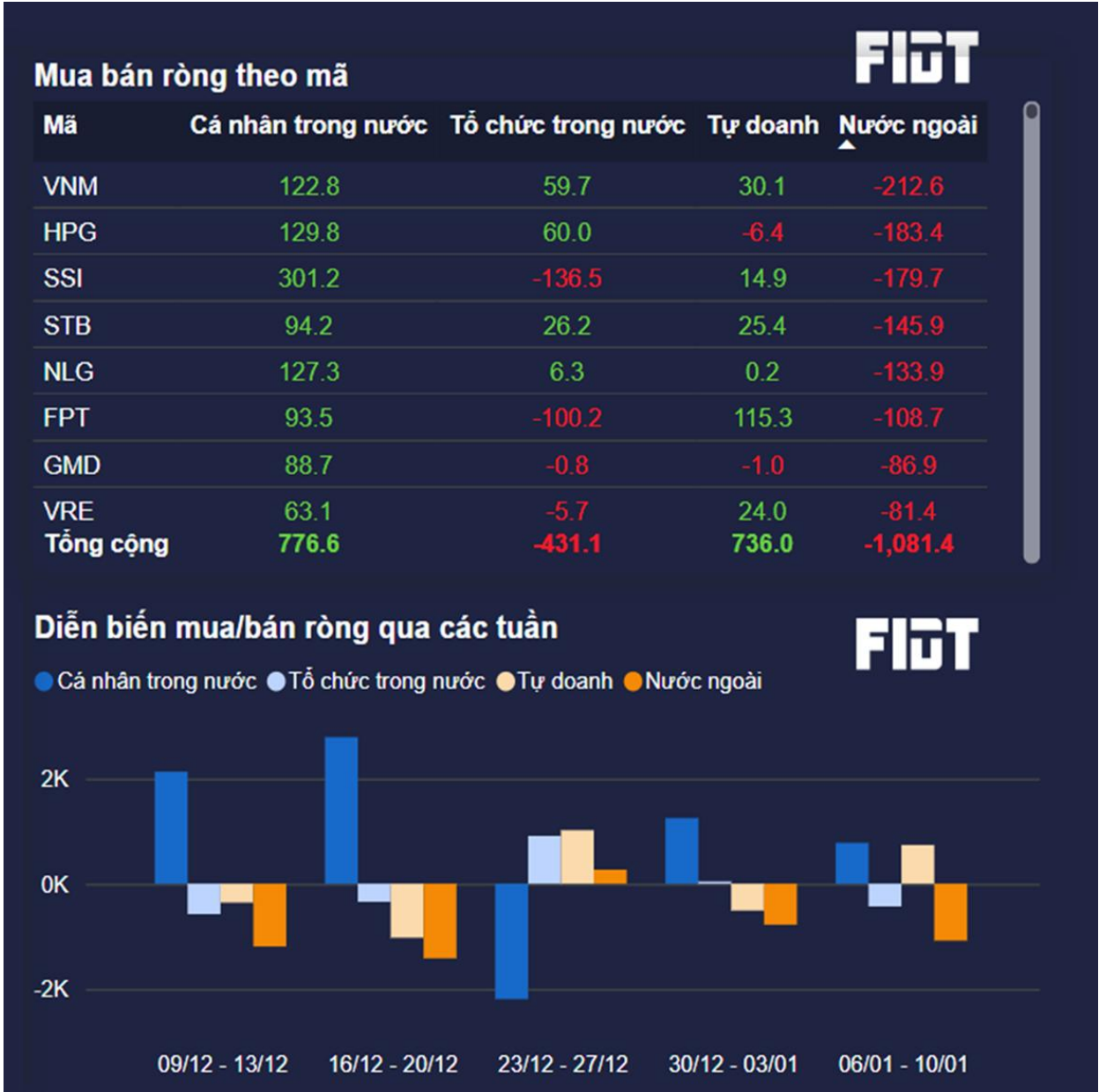
Trong bối cảnh tâm lý dòng tiền suy yếu và thanh khoản thị trường ở mức thấp kỷ lục, lực bán ròng liên tục nhiều tuần từ khối ngoại trở thành nguyên nhân chính khiến VNIndex giảm mạnh về 1230.

Tuy nhiên, có thể chờ đợi phản ứng Khối ngoại quay trở lại mua ròng khi Thị trường chạm hỗ trợ trung hạn (giả định) 1200 – 1220. Đây là hiện tượng xảy ra tương đối nhiều lần trong 2024 khi thị trường điều chỉnh đủ sâu. Khi đó, có thể kỳ vọng đây là yếu tố giúp VNIndex tạo đáy ngắn hạn (hồi kỹ thuật) hoặc trung hạn thành công.

HÌNH 9: KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG MẠNH TAY NHIỀU NGÀNH



HÌNH 10: KHỐI NGOẠI BÁN RÒNG TRONG CÁC TUẦN / THEO MÃ CỔ PHIẾU



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG: VÙNG ĐỊNH GIÁ HẤP DẪN TRUNG HẠN, TRƯỚC THÈM KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4

VNI đang giao dịch xung quanh vùng định giá P/E 12.8 – 13.0 (P/B: 1.60 – 1.65). Với tốc độ tăng trưởng EPS trung bình đạt ổn định 15% - 17%/năm, vùng P/E forward 2025 dự kiến 11.0 lần. **Có thể nói, đây là vùng định giá rẻ kỷ lục, cho thấy thị trường đã phản ánh rất sâu các biến số rủi ro vĩ mô toàn cầu và trong nước trong ngắn hạn.**

Vùng định giá VNIndex “phù hợp” cho việc mua vào cổ phiếu với kỳ vọng nắm giữ 3 – 6 tháng, và cũng là vùng phù hợp tích lũy trung hạn xuyên suốt 2025 với danh sách cổ phiếu FIDT đang khuyến nghị.

HÌNH 11: ĐỊNH GIÁ P/E & P/B VNINDEX 2020 – 2024:

- Xu hướng P/E duy trì **Định giá thấp, 12.8**, thấp hơn khoảng 1 Độ lệch chuẩn so với P/E trung bình (**14.5**, thấp hơn **-12%**).
- Xu hướng P/B duy trì **Định giá thấp, 1.67**, thấp hơn khoảng 1 Độ lệch chuẩn so với P/B trung bình (**2.0**, thấp hơn **-22%**).



CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG: VNI ĐIỀU CHỈNH MẠNH NHẤT TRONG 2 THÁNG, TIỆM CẬN HỖ TRỢ TRUNG HẠN 1200 - 1220

FIDT cho rằng 3 trọng điểm chính trong tuần khiến VNIndex dễ dàng đánh mất vùng hỗ trợ 1240 – 1250, phải tìm về vùng hỗ trợ sâu hơn 1200 – 1220: (1) Rủi ro toàn cầu neo rất cao khiến Dòng vốn khối ngoại bán ròng liên tục các gần đây; (2) Bối cảnh rủi ro trên cũng khiến Tâm lý dòng tiền trên thị trường rụt rè, thanh khoản thị trường chạm mức thấp kỷ lục; (3) sự không chắc chắn đến từ mùa Kết quả kinh doanh quý 4 khó đoán cận kề.

Trước các áp lực trên, kết tuần VNIndex điều chỉnh sâu về 1230, tiệm cận vùng hỗ trợ trung hạn 1200 – 1220.

- Động lượng thị trường đã suy yếu hoàn toàn trên các khung thời gian ngắn (MA20).** Đa số cổ phiếu cũng đã mất vùng tích lũy cân bằng (MA20), dẫn đến rủi ro thị trường tiếp tục điều chỉnh trong ngắn hạn.
- Động lượng thị trường trung hạn (MA50)** cũng suy giảm về vùng thấp, cho thấy mặt bằng giá các cổ phiếu cũng đã điều chỉnh tương đối sâu trung hạn.

HÌNH 12: XU HƯỚNG VNINDEX ĐIỀU CHỈNH TÍCH LŨY, TUY NHIÊN ÁP LỰC ĐIỀU CHỈNH LỚN DẦN



Xu hướng điều chỉnh của VNI dự kiến sẽ tiếp tục trong ngắn hạn, khi bối cảnh vĩ mô cho thấy rủi ro toàn cầu gia tăng và khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng.

Tuy nhiên, các tín hiệu động lượng cũng cho thấy thị trường đang đi vào vùng quá bán trong ngắn hạn, có thể chờ đợi một nhịp hồi kỹ thuật. Bên cạnh đó, trong kịch bản rủi ro toàn cầu giảm nhanh, có thể quan sát và kỳ vọng các tín hiệu cho thấy thị trường tạo đáy trung hạn thành công (vùng 1200 – 1220).

Theo FIDT, dù bối cảnh rủi ro toàn cầu đang tác động xấu đến tâm lý dòng tiền - thanh khoản thị trường chứng khoán, và dự kiến áp lực sẽ tiếp tục ngắn hạn, nhưng có thể kỳ vọng thị trường cải thiện dần, trên các lí do sau:

- **Động lượng VNIndex đã tiệm cận vùng quá bán**, cho thấy xác suất xảy ra nhịp hồi ngắn hạn, hoặc có thể là nhịp tạo đáy trung hạn.
- **Định giá thị trường mức thấp kỷ lục.**
- **FIDT đánh giá Kết quả kinh doanh quý 4 vượt kỳ vọng ở nhóm ngành Ngân hàng, Bất động sản, Thép, v.v.**
- **Quan sát kỹ nhịp tạo đáy của VNIndex nên đồng pha với yếu tố rủi ro toàn cầu cải thiện.**

DỰ PHÓNG THỊ TRƯỜNG:

KỊCH BẢN CƠ SỞ: (70%)

- **Vùng đáy trung hạn giả định: 1180 – 1200**
- **Vùng giao dịch cân bằng: 1220 – 1240**
- **Mục tiêu ngắn hạn: 1280 – 1300**
- **Tỷ trọng mục tiêu: Gia tăng 60% - 70% (Đầu tư trung hạn: 60% - 70%, ngắn hạn – trading: 0%)**

KỊCH BẢN TIÊU CỰC: (30%)

- **Vùng đáy trung hạn giả định: 1160 – 1180**
- **Vùng giao dịch cân bằng: 1200 – 1220**
- **Mục tiêu ngắn hạn: 1240 - 1260**
- **Tỷ trọng mục tiêu: 30% (Đầu tư trung hạn: 30%, ngắn hạn – trading: 0%)**

HÌNH 13: DỰ PHÓNG THỊ TRƯỜNG

CÁC KỊCH BẢN INDEX NGẮN HẠN				
VNINDEX: 1230 VN30: 1293 VN30F1M: 1296		KỊCH BẢN TÍCH CỰC	KỊCH BẢN CƠ SỞ	KỊCH BẢN TIÊU CỰC
XÁC SUẤT	0%	70%	30%	
MỤC TIÊU VNINDEX	1300 - 1320	1280 - 1300	1240 - 1260	
VÙNG GIAO DỊCH CÂN BẰNG (DỰ KIẾN)	1260 - 1280	1220 - 1240	1200 - 1220	
HỖ TRỢ VNINDEX	1240 - 1260	1180 - 1200	1160 - 1180	
TỶ TRỌNG CỔ PHIẾU	ĐẦU TƯ TRUNG HẠN: 60% -70% TRADING NGẮN HẠN: 0%			

HÌNH 14: DANH MỤC ĐẦU TƯ FIDT Q4.2024 - 1H2025

DANH MỤC ĐẦU TƯ FIDT 2H2024					
NGÀNH	CỔ PHIẾU	ĐIỂM GIA TĂNG NGẮN HẠN	MỤC TIÊU NGẮN HẠN	ĐỊNH GIÁ TRUNG HẠN	CATALYST NGÀNH/CỔ PHIẾU
BẤT ĐỘNG SẢN	PDR	17.0 - 17.5	28 - 30	38 - 40	(1) Ngành: dự kiến tăng trưởng mạnh nhờ vào Giá đất tăng mạnh sau Luật Đất đai 2024, bắt đầu chu kỳ Bất động sản mới 2025 - 2027 (2) Doanh nghiệp: Ưu tiên các doanh nghiệp có kế hoạch phát triển các dự án cụ thể đến 1H2025. (3) Thị trường BĐS thực đã có tín hiệu phục hồi (4) Các yếu tố hỗ trợ: Định giá rẻ, dư nợ cho vay thấp
	DXG	13.5 - 14.0	20 - 22	28 - 30	
NGÂN HÀNG	CTG		43 - 45	50 - 52	Ngân hàng tiếp tục là lựa chọn không thể thiếu trong Danh mục đầu tư trung hạn. FIDT nhấn mạnh đặc điểm ngân hàng tiềm năng giai đoạn tới. (1) Tăng trưởng tín dụng ổn định trong 3 quý gần nhất, với Chất lượng tài sản không tập trung nhiều vào "cho vay BĐS" (2) NIM được cải thiện nhờ Chiến lược quản lý Nguồn vốn và lãi suất tốt (3) Rủi ro nợ xấu tương lai đã được phản ánh và quản lý tốt, với hệ số Bao phủ rủi ro nợ xấu LLCR và NPL tốt trong quý 3 (4) Vùng định giá P/E và P/B hợp lý theo tăng trưởng
	HDB	20.5 - 21.5	30 - 32	35 - 37	
	STB	34.0 - 35.0	34 - 36	47.7	
CHĂN NUÔI	DBC	25.0 - 26.0	31 - 32	34.8	(1) Giá heo trong nước tiếp tục giữ vững trên 60,000/kg, đảm bảo lợi nhuận gộp mảng Chăn nuôi tối thiểu 15% (2) Vaccine ASF đã chuẩn bị được thương mại hóa - xuất khẩu vaccine sẵn sàng - Dự kiến cuối Quý 4 (3) Cơ hội trung hạn đối với ngành Chăn nuôi sau Luật sửa đổi 2025
THỦY ĐIỆN - NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO	HDG	25.0 - 26.0	31 - 32	37.7	(1) La Nina tác động mạnh lên Doanh thu/Lợi nhuận Thủy điện. KQKD Quý 3 ngành Thủy điện đã cho thấy yếu tố tích cực từ La Nina, dự kiến tiếp tục trong Quý 4 (2) Mảng Năng lượng tái tạo tiếp tục hưởng lợi khi Công suất tiêu thụ tăng cao khi Mạch 3 Đường dây 500kV đưa vào hoạt động (3) Ngành điện tăng trưởng dài hạn nhờ (*) Nhu cầu tăng trưởng 15 - 20%; (**) Quy hoạch điện 8 mở ra cơ hội phát triển NLTT
	TTA	11.5 - 12.0	14.5 - 15.0	KHÔNG ĐỊNH GIÁ	
DỆT MAY	TNG	22.0 - 23.0	32 - 33	32 - 34	(1) Ngành dệt may VN hưởng lợi lớn từ chuyển dịch đơn hàng trong trung hạn từ Bangladesh & Myanmar. (2) Doanh thu/Lợi nhuận dự phóng sẽ tiếp tục ổn định trong 2 - 4 quý tới nhờ vào Đối tác kinh doanh chiến lược, đảm bảo đơn hàng ổn định (3) Định giá cổ phiếu trong vùng hấp dẫn so với tăng trưởng trung hạn
THÉP	HPG	25.0 - 25.5	28 - 30	33 - 35	(1) KQKD quý 3 cho thấy tăng trưởng Doanh thu/Lợi nhuận tiếp tục tốt, đặc biệt Biên lợi nhuận cải thiện, thị phần tiếp tục gia tăng (2) Xu hướng giá thép phục hồi trung hạn cùng với diễn biến giá thép và triển vọng ngành Bất động sản Trung Quốc (3) Triển vọng nguồn cung nhà máy thép Dung Quất 2 hưởng lợi Dự án đường sắt cao tốc Bắc Nam
NƯỚC	BWE		50 - 52	60 - 62	(1) Triển vọng doanh thu tăng mạnh nhờ vào Chiến lược M&A mạnh mẽ và đầy tiềm năng tại khu vực Long Thành - Đồng Nai, Long An, v.v. (2) Triển vọng Biên lợi nhuận gộp tăng mạnh nhờ vào Chính sách điều chỉnh giá dịch vụ Nước trong 2025 - 2027 (3) Định giá rất hấp dẫn đối với doanh nghiệp có dòng tiền rất an toàn cùng với dự phóng tăng trưởng trung hạn hấp dẫn

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH FIDT

Bùi Văn Huy – Giám đốc Phân tích

Email: huy.bui@fidt.vn

Đoàn Minh Tuấn – Trưởng phòng Phân tích

Email: tuan.doan@fidt.vn

Số điện thoại: 093.385.7333

Hà Kim Thành – Chuyên viên phân tích

Email: thanh.ha@fidt.vn

Nguyễn Kim Dũng – Chuyên viên phân tích

Số điện thoại: 038.991.3349

Nguyễn Viết Nhật – Chuyên viên phân tích

Số điện thoại: 096.599.3323

Trần Vũ Bảo – Chuyên viên phân tích

Số điện thoại: 038.897.9833

LƯU Ý NHÀ ĐẦU TƯ

Quý khách nên đọc kỹ các rủi ro mà chúng tôi có dự phòng và đề cập trong báo cáo cũng như nhận diện về rủi ro thị trường để có lựa chọn đầu tư hiệu quả.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố.

Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này phản ánh đánh giá của FIDT tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi theo tình hình doanh nghiệp và thị trường từng thời kỳ.

Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt của nhà đầu tư.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi FIDT. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của FIDT.

Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý khách hàng!

